

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 77/2024/HS-PT
Ngày 19-12-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Anh, ông Nguyễn Quang Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 76/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Quốc B do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Quốc B - sinh năm 1990 tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu H, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T - sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1964; vợ: Nông Thị N - sinh năm 1989; con: Có 03 con (Con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 02 Quyết định xử phạt hành chính, 01 Bản án hình sự sơ thẩm (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 33/QĐ-VPHC ngày 16/12/2009 của Công an phường N, thành phố V, xử phạt Lê Quốc B 200.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, ngày 23/12/2009 B đã chấp hành xong quyết định. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32/QĐ-XPHC ngày 18/4/2013 của Công an phường T, thị xã P, xử phạt Lê Quốc B 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, ngày 04/5/2013 B có đơn xin miễn giảm mức xử phạt hành chính, ngày 13/5/2013 Công an phường T lập biên bản xác nhận việc B không có khả năng thi hành nộp tiền phạt. Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HSST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, xử phạt Lê Quốc B 50.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, ngày 14/9/2021 B đã chấp hành xong toàn bộ bản án); tạm giữ, tạm giam: Tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến ngày 06/02/2024 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Bảo lãnh”. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có 4 bị cáo (Phùng Văn N1, Lưu Anh T1, Trần Văn D và Ngô Đức T2) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2023, Lê Quốc B nảy sinh ý định đánh bạc trái phép bằng hình thức mua, bán số lô, số đề với một số người quen để thu lợi bất chính, ngoài tự đứng ra bán số lô, số đề cho người mua, B còn thỏa thuận sẽ nhận lại bằng đề của Phùng Văn N1 và cho N1 hưởng chênh lệch. B sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Promax, màu trắng, lắp sim số điện thoại 0982681555 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xsmax, màu vàng, lắp sim số 0357886065 để mua bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại và ứng dụng Zalo.

Về cách thức đánh bạc và tỷ lệ thắng thua, B thỏa thuận với người mua dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng hàng ngày để xác định thắng thua. Đối với số đề, người mua có thể mua một hoặc nhiều số từ 00 đến 99, nếu số đã mua trùng với 2 số cuối của giải đặc biệt thì người mua trúng thưởng số tiền gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra mua. Để thu hút người chơi, B chiết khấu cho khách từ 0% - 27% tiền đề. Đối với số lô, tương tự như số đề, người mua có thể mua một hoặc nhiều số từ 00 đến 99 nhưng mỗi số sẽ mua theo điểm tương ứng với số tiền 22.000 đồng/1 điểm. Nếu số lô người chơi mua trùng với 2 số cuối của một trong 27 giải xổ số thì người mua trúng thưởng số tiền tương ứng với số điểm đã mua là 80.000 đồng/01 điểm, nếu trùng với 2 số cuối của nhiều giải thì số tiền thưởng sẽ được nhân lên tương ứng với số giải trúng thưởng. Việc thanh toán tiền thắng thua sẽ thực hiện sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền B dưới hình thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Bằng cách thức như trên, trong hai ngày 17/12/2023 và 21/12/2023, Lê Quốc B đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua, bán số lô, số đề với nhiều người và nhận bằng đề của Phùng Văn N1 cụ thể như sau:

1. Ngày 17/12/2023, Trần Văn D, sinh năm 1995, trú tại khu E, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ sử dụng chiếc điện thoại iPhone 7 Plus, màu đen, lắp sim số 0966264120 đăng nhập tài khoản Facebook “Duy T3” nhắn tin đến tài khoản Facebook “Nam Hải Cốt” đăng ký bằng số điện thoại 0971764603 của Phùng Văn N1, sinh năm 2000, trú tại khu I, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ mua các số lô, số đề với tổng số tiền là 7.590.000 đồng. Sau khi nhận các số lô, số đề của D, N1 sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax, màu đen xám, lắp sim số 0971764603 đăng nhập tài khoản Zalo có tên là “N” nhắn tin đến tài khoản Zalo “T1 s Anh” của B chuyển những số lô D đã mua cho Lê Quốc B để hưởng tiền chênh lệch, đồng thời mua thêm các số lô khác với tổng số tiền là 9.460.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng ngày 17/12/2023, N1 và D trúng thưởng 10 điểm số lô 49 tương ứng với số tiền là 800.000 đồng. B, N1, D chưa thanh toán tiền đánh bạc với nhau.

2. Ngày 21/12/2023, Lê Quốc B mua, bán số lô, số đề cùng với:

Lê Đức T4, sinh năm 1974, khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ sử dụng chiếc điện thoại di động N6 1280, màu xanh, lắp sim số 0978136773 nhắn tin đến số điện thoại 0982681555 của B mua các số lô, số đề với tổng số tiền là 3.360.000 đồng, số tiền này T4 chưa thanh toán cho B.

Phùng Văn C, sinh năm 1989, trú tại thôn N, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xám, lắp sim số 0986320819 đăng nhập tài khoản Zalo của C có tên là “KimCuong” đăng ký bằng số điện thoại 0986320819 (B lưu tên trong danh bạ là “Ban tác xi”) nhắn tin đến tài khoản Zalo “T1 s Anh” đăng ký bằng số điện thoại 0357886065 của B mua các số lô, số đề với tổng số tiền là 1.530.000 đồng, số tiền này C chưa thanh toán cho B.

Ngoài bán số lô, số đề ngày 21/12/2023, Lê Quốc B còn sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xsmax, màu vàng, lắp sim số 0357886065 nhắn tin đến số điện thoại 0941961832 của Lưu Anh T1, sinh năm 1985, trú tại khu A, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ để mua các số lô, số đề của T1 với tổng số tiền là 12.500.000 đồng.

Ngoài ra, B còn khai nhận ngày 21/12/2023, B có bán số lô, số đề cho Trương Thị C1, sinh năm 1991, trú tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (hiện trú tại Ấp C, xã X, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước) với tổng số tiền là 28.300.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành triệu tập, làm việc với Trương Thị C1 nhưng C1 không thừa nhận hành vi mua, bán số lô, đề với B.

Quá trình điều tra, Lê Quốc B khai nhận hàng ngày, Bình bán số lô, số đề cho người mua sau đó tổng hợp lại rồi sử dụng tài khoản Zalo “T1 s Anh” nhắn tin chuyển các số lô, số đề đó cho Phùng Thanh L1 - sinh năm 1993, trú tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ qua tài khoản Zalo có tên là “Hoàng N2” (không xác định được số điện thoại đăng ký). Ngày 21/12/2023, B chưa kịp chuyển các số lô, số đề cho P thì bị Công an huyện T kiểm tra phát hiện. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành triệu tập, làm việc đối với Phùng Thanh L1, tuy nhiên Phùng Thanh L1 không thừa nhận hành vi mua, bán số lô, số đề với B.

* Về số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc:

- Đối với Lê Quốc B:

Ngày 17/12/2023, B có hành vi bán số lô cho Phùng Văn N1 với số tiền là 9.460.000 đồng, N1 trúng thưởng 800.000 đồng, nên số tiền đánh bạc của B là 10.260.000 đồng;

Ngày 21/12/2023, B có hành vi bán số lô, số đề cho Phùng Văn C, Lê Đức T4 với tổng số tiền là 4.890.000 đồng và có hành vi mua số lô, số đề của Lưu Anh T1 với số tiền là 12.500.000 đồng, chưa có kết quả thắng, thua thì bị phát hiện nên số tiền đánh bạc của B là 17.390.000 đồng;

- Đối với Phùng Văn N1: Ngày 17/12/2023, N1 có hành vi mua số lô của Lê Quốc B với số tiền 9.460.000 đồng, N1 trúng thưởng 800.000 đồng và có hành vi bán số lô cho Trần Văn D với số tiền 7.590.000 đồng, D trúng thưởng 800.000 đồng nên số tiền đánh bạc của N1 là 18.650.000 đồng;

- Đối với Trần Văn D: Ngày 17/12/2023, D có hành vi mua số lô, số đề của Phùng Văn N1 với số tiền là 7.590.000 đồng, D trúng thưởng 800.000 đồng, nên số tiền đánh bạc của D là 8.390.000 đồng;

- Đối với Lưu Anh T1: Ngày 21/12/2023, T1 có hành vi bán số lô, số đề cho Lê Quốc B với số tiền là 12.500.000 đồng, chưa có kết quả thắng, thua thì bị phát hiện nên số tiền đánh bạc của T1 là 12.500.000 đồng;

- Đối với Lê Đức T4: Ngày 21/12/2023, T4 có hành vi mua số lô, số đề của Lê Quốc B với số tiền là 3.360.000 đồng, chưa có kết quả thắng, thua thì bị phát hiện nên số tiền đánh bạc của T4 là 3.360.000 đồng;

- Đối với Phùng Văn C: Ngày 21/12/2023, C có hành vi mua số lô, số đề của Lê Quốc B với số tiền là 1.530.000 đồng, chưa có kết quả thắng, thua thì bị phát hiện nên số tiền đánh bạc của C là 1.530.000 đồng;

** Đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:*

Từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023, Lê Quốc B và Phùng Văn N1 đã cùng nhau góp tiền để cho nhiều người có nhu cầu vay tiền với mức lãi suất khác nhau dao động từ 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất từ 73%/1 năm đến 182,5%/1 năm). Khi có người có nhu cầu đến vay tiền, B hoặc N1 sẽ đứng ra cho vay, người vay phải tự viết thông tin và ký tên vào giấy vay tiền hoặc giấy mua bán xe. Trên giấy vay tiền hay giấy mua bán xe đều không thể hiện lãi suất. T5 từng người vay, N1 hoặc B sẽ cắt lãi trước hoặc yêu cầu người vay tiền trả lãi theo tháng khi đến hạn thu tiền lãi. Việc B và N1 cho khách vay tiền cũng như thu tiền lãi được thực hiện qua hai hình thức thông qua chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng của B (số tài khoản 102867550472 Ngân hàng V chủ tài khoản là Lê Quốc B), của N1 (số tài khoản 9013567899999 Ngân hàng M là Phùng Văn N1) và bằng tiền mặt. B và N1 thống nhất, tiền lãi thu được cùng chia theo tỷ lệ 50/50.

Bằng cách thức, thủ đoạn như trên, từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023, Lê Quốc B và Phùng Văn N1 đã cho 15 người vay tiền với mức lãi suất trên 100%/1 năm, cụ thể như sau:

1. Đỗ Thị H, sinh 2000, trú tại X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc: Ngày 10/4/2023, N1 và B cho Đỗ Thị H vay số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 146%/1 năm). Hường đã trả lãi cho khoản vay trên 50 ngày, tương ứng với số tiền là 1.000.000 đồng (thu lợi bất chính 863.014 đồng - số tiền lãi trên 20%), H đã trả đủ tiền gốc, tiền lãi cho N1 và B;

2. Lý Văn A, sinh năm 2002, trú tại bản Suối Ngõa, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La:

Ngày 06/4/2023, N1 và B cho Vân A vay số tiền là 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 146%/1 năm). Vân A đã trả lãi cho khoản vay trên 50 ngày, tương ứng với số tiền là 2.000.000 đồng (thu lợi bất chính 1.726.027 đồng - số tiền lãi trên 20%), đến nay Vân A đã trả đủ tiền gốc, tiền lãi cho N1 và B;

Ngày 10/5/2023, N1 và B cho Lý Vân A vay số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 146%/1 năm). Vân A đã trả lãi cho khoản vay trên 50 ngày, tương ứng với số tiền là 1.000.000 đồng (thu lợi bất chính 863.014 đồng - số tiền lãi trên 20%), Vân A đã trả đủ tiền gốc, tiền lãi cho N1 và B;

3. Nguyễn Hoàng Lan A1, sinh năm 2004, trú tại thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình:

Ngày 06/4/2023, N1 và B cho Lan A1 vay số tiền là 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 146%/1 năm). Lan A1 đã trả lãi cho khoản vay trên 50 ngày, tương ứng với số tiền là 2.000.000 đồng (thu lợi bất chính 1.726.027 đồng - số tiền lãi trên 20%), Lan A1 đã trả đủ tiền gốc, tiền lãi cho N1 và B;

Ngày 10/5/2023, N1 và B cho Lan A1 vay số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 146%/1 năm), Lan A1 đã trả lãi cho khoản vay trên 50 ngày, tương ứng với số tiền là 1.000.000 đồng (thu lợi bất chính 863.014 đồng - số tiền lãi trên 20%), Lan A1 đã trả đủ tiền gốc, tiền lãi cho N1 và B.

4. Hà Thị Ngọc T6, sinh năm 2006, trú tại khu T, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ: Ngày 10/4/2023, N1 và B cho T6 vay số tiền là 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 146%/1 năm), T6 đã trả lãi cho khoản vay trên 50 ngày, tương ứng với số tiền là 2.000.000 đồng (N1 và B thu lợi bất chính 1.726.027 đồng - số tiền lãi trên 20%), T6 đã trả đủ tiền gốc, tiền lãi cho N1 và B.

5. Nguyễn Thị H1, sinh năm 2001, trú tại thôn C, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh: Ngày 04/10/2023, N1 và B cho H1 vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm), H1 đã trả lãi cho khoản vay trên 60 ngày, tương ứng với số tiền là 9.000.000 đồng (N1 và B thu lợi bất chính 8.013.699 đồng - số tiền lãi trên 20%) và 10.000.000 đồng tiền gốc cho N1 và B, còn nợ lại 20.000.000 đồng tiền gốc (N1 và B không tính lãi nữa).

6. Nguyễn Văn K, sinh năm 1998, trú tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ:

Tháng 6/2023 (không xác định được ngày cụ thể), N1 và B cho K vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm), K đã trả lãi cho khoản vay trên 150 ngày, tương ứng với số tiền là 15.000.000 đồng (N1 và B thu lợi bất chính 13.356.164 đồng - số tiền lãi trên 20%), K chưa trả tiền gốc cho N1 và B;

Ngày 15/10/2023, N1 và B tiếp tục cho K vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm), K đã trả lãi cho khoản vay trên 30 ngày, tương ứng với số tiền là 4.500.000 đồng (N1 và B thu lợi bất chính 4.006.849 đồng - số tiền lãi trên 20%), K chưa trả tiền gốc cho N1 và B;

Ngày 30/10/2023, N1 và B tiếp tục cho K vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm), K đã trả lãi cho khoản vay trên 30 ngày, tương ứng với số tiền là 1.500.000 đồng (N1 và B thu lợi bất chính 1.335.616 đồng - số tiền lãi trên 20%), K chưa trả tiền gốc cho N1 và B;

7. Lê Tiến C2, sinh năm 2001, trú tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ:

Tháng 6/2023 (không xác định được ngày cụ thể), N1 và B cho C2 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 109,5%/1 năm), C2 đã trả lãi cho khoản vay trên 60 ngày, tương ứng với số tiền là 3.600.000 đồng (Trong đó, N1 và B thu lợi bất chính 2.942.466 đồng - số tiền lãi trên 20%), C2 chưa trả tiền gốc cho N1 và B.

Ngày 12/8/2023, N1 và B tiếp tục cho C2 vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, cộng gộp với số tiền vay từ tháng 6/2023, N1 và B cho C2 vay 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 109,5%/1 năm), C2 đã trả lãi cho khoản vay trên 120 ngày, tương ứng với số tiền là 10.800.000 đồng (Trong đó, N1 và B thu lợi bất chính 8.827.397 đồng - số tiền lãi trên 20%), C2 chưa trả tiền gốc cho N1 và B.

8. Hoàng Xuân N3, sinh năm 2001, trú tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 19/11/2023, N3 và B cho Xuân N3 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm), Xuân N3 đã trả lãi cho khoản vay trên 30 ngày, tương ứng với số tiền là 1.500.000 đồng (Trong đó, N3 và B thu lợi bất chính 1.335.616 đồng - số tiền lãi trên 20%), Xuân N3 chưa trả tiền gốc cho N3 và B.

Ngày 19/11/2023, N3 và B cho Xuân N3 vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 146%/1 năm), X đã trả lãi cho khoản vay trên 50 ngày, tương ứng với số tiền là 1.000.000 đồng (Trong đó, N3 và B thu lợi bất chính 863.014 đồng - số tiền lãi trên 20%), Xuân N3 chưa trả tiền gốc cho N3 và B;

9. Nguyễn Thị Lan A2, sinh năm 1990, trú tại khu A, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ: Ngày 18/10/2023, N3 và B cho Lan A2 vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm), Lan A2 đã trả lãi cho khoản vay trên 60 ngày, tương ứng với số tiền là 1.500.000 đồng (Trong đó, N3 và B thu lợi bất chính 1.335.616 đồng - số tiền lãi trên 20%), Lan A2 đã trả đủ tiền gốc, tiền lãi cho N3 và B;

10. Đào Trung Đ, sinh năm 1995, trú tại khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (hiện ở tại phường T, quận T, thành phố Hà Nội): Ngày 18/11/2023, N3 và B cho Đ vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1

ngày (tương đương lãi suất 146%/1 năm), Đ đã trả lãi cho khoản vay trên 30 ngày, tương ứng với số tiền là 1.800.000 đồng (Trong đó, N3 và B thu lợi bất chính 1.553.425 đồng - số tiền lãi trên 20%), Đ đã trả đủ tiền gốc cho N3 và B.

11. Lê Văn C3, sinh năm 1986, trú tại khu I, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ: Ngày 12/12/2023, N3 và B cho C3 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm), C3 đã trả lãi cho khoản vay trên 30 ngày, tương ứng với số tiền là 3.000.000 đồng (Trong đó, N3 và B thu lợi bất chính 2.671.233 đồng - số tiền lãi trên 20%), C3 chưa trả tiền gốc cho N3 và B.

12. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1994, trú tại khu A, xã H huyện T, tỉnh Phú Thọ: Ngày 18/10/2023, N3 và B cho H2 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm), H2 đã trả lãi cho khoản vay trên 60 ngày, tương ứng với số tiền là 6.000.000 đồng (Trong đó, N3 và B thu lợi bất chính 5.342.466 đồng - số tiền lãi trên 20%), H2 chưa trả tiền gốc cho N3 và B.

13. Bùi Thanh T7, sinh năm 1993, trú tại khu A, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 27/11/2023, N3 và B cho T7 vay số tiền 24.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 109,5%/1 năm), tính đến ngày 10/12/2023, T7 sẽ phải trả lãi cho khoản vay trên trong 14 ngày, tương ứng với số tiền 1.008.000 đồng (Trong đó, N3 và B sẽ thu lợi bất chính 823.890 đồng - số tiền lãi trên 20%), ngày 10/12/2023, T7 chưa trả tiền lãi nhưng đã trả số tiền gốc là 15.000.000 đồng, còn nợ lại 9.000.000 đồng tiền gốc, N3 và B tiếp tục tính lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tính đến ngày 21/12/2023 (ngày hành vi bị phát hiện), T7 tiếp tục sẽ phải trả lãi cho khoản vay còn lại trong 11 ngày, tương ứng với số tiền 297.000 đồng (Trong đó, N3 và B sẽ thu lợi bất chính 242.753 đồng - số tiền lãi trên 20%);

Ngày 12/12/2023, N3 và B cho T7 vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 109,5%/1 năm), tính đến ngày 21/12/2023 (ngày hành vi bị phát hiện), T7 sẽ phải trả lãi cho khoản vay trên trong 10 ngày, tương ứng với số tiền 150.000 đồng (Trong đó, N3 và B sẽ thu lợi bất chính 122.603 đồng - số tiền lãi trên 20%);

14. Đinh Văn Đ1, sinh năm 2001, trú tại khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 18/10/2023, N3 và B cho Đ1 vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm), Đ1 đã trả lãi cho khoản vay trên 40 ngày, tương ứng với số tiền là 1.000.000 đồng (Trong đó, N3 và B thu lợi bất chính 890.411 đồng - số tiền lãi trên 20%), Đ1 đã trả đủ tiền gốc cho N3 và B;

Ngày 12/12/2023, N3 và B cho Đ1 vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm), Đ1 đã trả lãi cho khoản vay trên 30 ngày, tương ứng với số tiền là 750.000 đồng

(Trong đó, N3 và B thu lợi bất chính 667.808 đồng - số tiền lãi trên 20%), Đ1 chưa trả tiền gốc cho N3 và B.

15. Nguyễn Phương N4, sinh năm 1996, trú tại khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ: Ngày 08/10/2023, N4 và B cho Phương N4 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm), Phương N4 đã trả lãi cho khoản vay trên 30 ngày, tương ứng với số tiền là 1.500.000 đồng (Trong đó, N4 và B thu lợi bất chính 1.335.616 đồng - số tiền lãi trên 20%), Phương N4 chưa trả tiền gốc cho N4 và B;

Tổng số tiền N4 và B thu lợi bất chính từ việc cùng nhau cho vay lãi nặng là 63.433.767 đồng. Đỗ Thị H, Lý Văn A, Nguyễn Hoàng Lan A1, Hà Thị Ngọc T6, Nguyễn Thị H1, Lê Tiến C2, Hoàng Xuân N3, Nguyễn Thị Lan A2, Đào Trung Đ, Lê Văn T8, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Phương N4 không yêu cầu các bị cáo phải trả số tiền thu lợi bất chính cho mình; Đối với Nguyễn Văn K và Đinh Văn N5 đề nghị các bị cáo phải trả cho mình tiền thu lợi bất chính.

Ngoài ra, Phùng Văn N1 và Lê Quốc B còn cho 03 người khác vay tiền với mức lãi suất dưới 100%/1 năm, cụ thể:

1. Nguyễn Thị H1, sinh năm 2001, trú tại thôn C, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh: Ngày 12/6/2023, N1 và B cho H1 vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 73%/1 năm).

2. Ngô Tiến T9, sinh năm 1999, trú tại khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ: Ngày 23/9/2023, N1 và B cho T9 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 73%/1 năm).

3. Đặng Ngọc H3, sinh năm 2001, trú tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ: Nam và B khai nhận ngày 11/9/2023, N1 và B cho H3 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 73%/1 năm).

Ngoài cùng nhau góp tiền thực hiện hành vi cho vay lãi như trên, N1 và B còn tự đứng ra cho người khác vay với mức lãi suất trên 100%/1 năm, cụ thể như sau:

- Phùng Văn N1 cho Nguyễn Thị H1, sinh năm 2001, trú tại xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh vay tiền 02 lần:

Ngày 08/4/2023, N1 cho H1 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 146%/1 năm), H1 đã trả lãi cho khoản vay trên 50 ngày, tương ứng số tiền là 2.000.000 đồng (Trong đó, N1 thu lợi bất chính 1.726.027 đồng - số tiền lãi trên 20%), H1 đã trả đủ tiền gốc cho N1.

Ngày 30/4/2023, N1 cho H1 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 146%/1 năm), H1 đã trả lãi cho khoản vay trên 50 ngày, tương ứng với số tiền 4.000.000 đồng (Trong đó, N1 thu lợi bất chính 3.452.055 đồng - số tiền lãi trên 20%), H1 đã trả đủ tiền gốc cho N1.

Số tiền N1 thu lợi bất chính từ việc N1 cho Nguyễn Thị H1 vay lãi nặng là 5.178.082 đồng.

- Lê Quốc B và Ngô Đức T2 cho Lê Đức T4, sinh năm 1974, trú tại khu A, xã T, huyện T vay tiền 01 lần: Ngày 23/11/2023, B và T2 cho Lê Đức T4 vay 250.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000.000 đồng/ 1.000.000 đồng/1 ngày dưới hình thức làm hợp đồng mua bán đất, T4 là người chịu phí công chứng hợp đồng mua bán đất là 2.000.000 đồng, sau khi trừ đi 2.000.000 đồng phí công chứng và 37.500.000 đồng tiền lãi cắt trước của 30 ngày, B và T2 chuyển cho T4 số tiền 210.500.000 đồng. Tuy nhiên trên thực tế, phí công chứng là 500.000 đồng nên số tiền T2 và B thu lợi bất chính là 34.890.411 đồng (gồm 33.390.411 đồng - số tiền lãi trên 20% và 1.500.000 đồng tiền thu phí công chứng trái pháp luật). B và T2 thống nhất, B là người giới thiệu và trực tiếp làm việc với T4, T2 sẽ là người cung cấp tiền cho T4 vay, tiền lãi thu được T2 lấy 60%, còn B được 40%.

* Về số tiền thu lợi bất chính mà Lê Quốc B, Phùng Văn N1, Ngô Đức T2 phải chịu trách nhiệm hình sự:

- Đối với Lê Quốc B: Ngoài là đồng phạm với Phùng Văn N1, B còn cùng với Ngô Đức T2 cho Lê Đức T4 vay lãi nặng nên số tiền thu lợi bất chính B phải chịu trách nhiệm hình sự là: 96.824.178 đồng và 1.500.000 đồng thu phí trái pháp luật. Tổng là 98.324.178 đồng (Số tiền thu lợi bất chính cùng N1 là: 63.433.767 đồng và số tiền thu lợi bất chính cùng T2 là: 34.890.411 đồng).

- Đối với Phùng Văn N1: Ngoài đồng phạm với Lê Quốc B, N1 còn tự đứng ra cho Nguyễn Thị H1 vay lãi nặng nên số tiền thu lợi bất chính Nam phải chịu trách nhiệm hình sự là 68.611.849 đồng (gồm tổng số tiền thu lợi bất chính cùng B - 63.433.767 đồng và số tiền N1 tự thu lợi bất chính - 5.178.082 đồng).

- Đối với Ngô Đức T2 đã cùng Lê Quốc B cho Lê Đức T4 vay lãi nặng nên số tiền thu lợi bất chính T2 phải chịu trách nhiệm hình sự là 34.890.411 đồng.

Ngày 30/12/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T T10 đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với đối với Lê Quốc B, Phùng Văn N1 về tội “Đánh bạc” và “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 321, khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự; đối với Ngô Đức T2 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự; đối với Lưu Anh T1 và Trần Văn D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 32/2024/TB-TA ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 201; Điều 38; khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quốc B.

Tuyên bố bị cáo Lê Quốc B phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc B 09 (C4) tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 48 ngày kể từ ngày 21/12/2023 đến ngày 06/02/2024. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc B 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” để sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và các nội dung khác.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, bị cáo Lê Quốc B kháng cáo xin được giảm hình phạt và được hưởng án treo đối với tội “Đánh bạc”. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo. Bị cáo nộp phiếu thu tiền ủng hộ quỹ vì người nghèo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ về giải quyết vụ án:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Quốc B. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ về hình phạt đối với bị cáo Lê Quốc B về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với tội “Đánh bạc”. Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc B 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến ngày 06/02/2024.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc B 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Khi Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy xét xử và tuyên án thì bị cáo Lê Quốc B có mặt. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Lê Quốc B đã kháng cáo bản án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Lê Quốc B kháng cáo đúng thời hạn nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi thực hiện của bị cáo: Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo Lê Quốc B khai nhận hành vi thực hiện phạm tội như sau:

Tháng 12/2023 Lê Quốc B đã hai lần thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua - bán số lô, số đề của một số người chơi và nhận bằng đề của Phùng Văn N1. Hành vi thực hiện của Lê Quốc B thể hiện như sau:

Ngày 17/12/2023 Trần Văn D mua số lô, số đề của Phùng Văn N1 với tổng

số tiền là 7.590.000 đồng. Sau khi nhận số lô, số đề của D thì N1 chuyển số lô, số đề của D cho B, đồng thời N1 mua thêm số lô, số đề của B nên tổng số tiền mua số lô, số đề chuyển cho B là 9.460.000 đồng. So với kết quả xổ số kiến thiết miền B1 mở thưởng cùng ngày, N1 và D trúng 10 điểm lô tương ứng với 800.000 đồng. B, N1 và D chưa thanh toán số tiền đánh bạc cho nhau.

Ngày 21/12/2023, Lê Quốc Bình B2 số lô, số đề cho Lê Đức T4 là 3.360.000 đồng; Phùng Văn C là 1.530.000 đồng. Lê Quốc B mua số lô, số đề của Lưu Anh T1 là 12.500.000 đồng.

Ngoài hành vi đánh bạc, từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023 Lê Quốc B, Phùng Văn N1 và Ngô Đức T2 đã cho một số người vay tiền với mức lãi suất trên 100%/năm. Số tiền thu lời bất chính từ việc cho vay tiền của Lê Quốc B là 98.324.178 đồng, Phùng Văn N1 là 68.611.849 đồng, Ngô Đức T2 là 34.890.411 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy đã tuyên bố bị cáo Lê Quốc B phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc và hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy đã xét xử đúng người, đúng tội nên bị cáo không kháng cáo về tội danh.

[3] Về nội dung kháng cáo: Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, xử phạt bị cáo Lê Quốc B 09 tháng tù về tội đánh bạc và 100.000.000 đồng về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Bị cáo Lê Quốc B kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo đối với tội đánh bạc. Xét thấy bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đó là “Phạm tội nhiều lần”; được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là “Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng nhân thân của bị cáo là xấu và được hưởng một tình tiết giảm nhẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội đánh bạc là phù hợp. Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo nộp tài liệu, chứng cứ mới đó là bị cáo nộp tiền ủng hộ quỹ vì người nghèo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng và nhân thân xấu nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do có tình tiết giảm nhẹ mới so với cấp sơ thẩm nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 16/7/2024 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 32/2024/TB-TA ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy về hình phạt đối với bị cáo Lê Quốc B về tội “Đánh bạc” theo hướng giảm hình phạt bằng mức khởi điểm của khung hình phạt tù.

Đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, bị cáo B không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải

quyết.

[4] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết khác của bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ về giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Quốc B. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 16/7/2024 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 32/2024/TB-TA ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ về hình phạt đối với bị cáo Lê Quốc B về tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với tội “Đánh bạc”. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc B 06 (S) tháng tù về tội “Đánh bạc”, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến ngày 06/02/2024. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc B 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

3. Án phí: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Quốc B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết khác của bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện Thanh Thủy;
- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Công an huyện Thanh Thủy;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- Bị cáo Bình;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Khắc Chiên